

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HS-ST

Ngày: 27-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoài Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Mạnh Tuấn

Ông Ngô Đức Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Nam - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1994; ĐKKHKT: Tổ dân phố C, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1962; con bà: Trần Thị N, sinh năm 1965; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; vợ: Lương Thị M, sinh năm 1998, đã ly thân; bị cáo chưa có con.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 09/5/2018 Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Nam Định xử 15 tháng tù giam về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" (Bản án số 28/2018/HS-ST).

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/12/2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định.

2. Họ và tên: Lò Thị C (tên gọi khác: Hạnh), sinh năm 1992; ĐKKHKT: Bản C, xã T, huyện P, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; con ông: Lò Văn T, sinh năm

1971; con bà: Hà Thị T, sinh năm 1972; gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai; bị cáo chưa có chồng; bị cáo có một con sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định.

3. Họ và tên: Nguyễn Thành T, sinh năm 1993; ĐKKHKT: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn Á, sinh năm 1964; con bà: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1971; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 23/02/2017 Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam xử phạt 30 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" (bản án số 14/HSST).

Bị cáo bị bắt khẩn cấp tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định.

** Người bào chữa cho bị cáo Lò Thị C theo quy định tại Điều 75 Bộ luật tố tụng hình sự:*

Luật sư: Đỗ Thị Minh T - Đoàn luật sư tỉnh Nam Định.

** Người làm chứng:*

1. Chị: Y P1, sinh năm 2001

Địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

2. Chị: Quàng Thị D2, sinh năm 1998

Địa chỉ: Bản H, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

3. Anh: Đoàn Xuân P, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định

4. Anh: Trần Văn D, sinh năm 1960

Địa chỉ: 659 TC, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định

5. Anh: Trần Văn S, sinh năm 1970

Địa chỉ: 38/659 T, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa có mặt các bị cáo, luật sư; những người làm chứng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ đầu tháng 10/2019, Nguyễn Văn T thuê lại kiốt 105 bãi tắm TT. Quất Lâm, huyện G, tỉnh Nam Định của Trần Văn T (SN:1980, trú tại: Xã Giao Thịnh, huyện G, tỉnh Nam Định) với giá thuê là 70.000.000 đồng/1 năm để kinh doanh lưu trú, dịch vụ ăn uống lấy biển hiệu "Hồng Nhung" nhưng chưa đăng ký giấy phép kinh doanh. Đầu tháng 11/2019, T tổ chức hoạt động mua, bán dâm ngay tại kiốt 105 để thu lợi bất chính. Cách ngày bị bắt quả tang khoảng hơn 1 tháng, T gọi điện rủ Nguyễn Thành T (là người quen biết trong thời gian cải tạo tại trại giam Nam Hà) và Lò Thị C (là người yêu của T) xuống kiốt 105 - TT. Q, huyện G làm, giúp T trong việc tổ chức hoạt động mua, bán dâm.

Để tổ chức hoạt động mại dâm, Nguyễn Văn T nuôi 2 gái mại dâm là Y P (sinh ngày 11/11/2001, HKTT: Thôn Đăk Rao Lớn, TT. Đăk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum) và Quàng Thị D (Tên gọi khác là Duyên, sinh năm 1998, HKTT: Bản Huổi Tao, xã Pu Nhi, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên) để bố trí, sắp xếp bán dâm cho khách ngay tại các phòng của kiốt 105 "Hồng Nhung" và các nhà nghỉ, kiốt xung quanh. Mỗi lần bố trí bán dâm tại kiốt 105, T thu của khách là 200.000 đồng/1 lượt bán dâm nhanh và 700.000 đồng/1 lần qua đêm, còn bố trí bán dâm tại các kiốt khác thì thu chủ kiốt là 110.000 đồng/1 lượt bán dâm nhanh và 400.000 đồng/1 lần qua đêm. Mỗi lần bố trí bán dâm như trên T trả cho gái mại dâm là 70.000 đồng/1 lượt bán dâm nhanh và 250.000 đồng/1 lần qua đêm, số còn lại T chiếm hưởng. Tại kiốt 105 "Hồng Nhung", Nguyễn Văn T là người trực tiếp điều hành, bố trí gái bán dâm cho khách ngay tại các phòng nghỉ của kiốt và các kiốt khác quanh bãi tắm Quất Lâm. Khi T không có ở kiốt, Nguyễn Thành T là người giúp T tiếp khách đến kiốt tìm gái mại dâm, thỏa thuận giá cả mua dâm với khách, nếu khách đồng ý mua dâm tại kiốt thì T gọi điện cho T về kiốt để bố trí gái mại dâm cho khách. Sau đó T sẽ là người sắp xếp phòng nghỉ tại kiốt để khách mua dâm và gái bán dâm quan hệ tình dục. Ngoài ra T còn có trách nhiệm chở gái mại dâm của kiốt đi bán dâm tại kiốt khác quanh bãi tắm Quất Lâm dưới sự điều hành của T, tiền thu được của khách mua dâm T đều giao lại cho T và C quản lý. Đối với Lò Thị C (là người yêu, sống chung với T như vợ chồng) thì T giao cho C quản lý số tiền thu được từ hoạt động mại dâm tại kiốt và sử dụng số tiền này để chi phí các khoản sinh hoạt hàng ngày tại kiốt. Ngoài ra, C còn giúp T ghi chép theo dõi số lần bố trí gái mại dâm P, D bán dâm cho khách hàng ngày vào một quyển sổ chung của kiốt và ghi chép các lần cho gái mại dâm tạm ứng tiền từ việc bán dâm. T và T chưa có thỏa thuận về tiền công T được hưởng trong việc giúp T tổ chức hoạt động mại dâm.

Khoảng 16 ngày 22/12/2019, khi T, T, C, P và D đang ở bàn uống nước phía ngoài kiốt 105 "Hồng Nhung" thì Đoàn Xuân Phong đến kiốt 105 gặp, đặt vấn đề với cả T và T về việc tìm gái mại dâm để quan hệ tình dục. Nguyễn Văn T quay sang phía 2 gái mại dâm P, D và nói "Có 2 em thích em nào thì đi". Phong chỉ tay vào gái mại dâm D chọn D để quan hệ tình dục thì T nói D "vào phòng với anh" (tức là bảo D vào phòng bán dâm cho Phong). D đứng dậy đi cùng Phong vào trong kiốt được T xếp vào phòng 106 để quan hệ tình dục. Sau đó T chở gái mại dâm P đi ra ngoài mua quần áo. Một lúc sau Trần Văn Dũng và Trần Văn Sáu đi bộ vào kiốt 105 ngồi uống nước cùng bàn với T, cùng lúc này thì T chở gái mại dâm P về kiốt. Tại bàn uống nước, Dũng hỏi T, T "ở đây giá bao nhiêu" (tức là hỏi giá mua dâm nhanh bao nhiêu) thì T nói "200.000 đồng" (tức giá mua dâm nhanh là 200.000 đồng/1 lượt). Dũng chê đắt thì T "bảo đấy là giá chung ở đây". Dũng hỏi "ở đây có bao nhiêu nhân viên", T trả lời "có 2". Dũng nói "lát anh đi con áo vàng" (tức là Dũng muốn quan hệ tình dục với gái mại dâm tên P). Sau khi gái mại dâm D bán dâm xong đi ra ngoài, T tiếp tục bố trí D bán dâm cho người khách tên Sáu. Ban đầu T bố trí D, Sáu vào phòng 106, tuy nhiên vì T chưa dọn dẹp được phòng 106 nên T đã sắp xếp cho D, Sáu vào phòng 103 để quan hệ tình dục. T bố trí, sắp xếp cho Dũng và P vào phòng 104 để quan hệ tình dục. Trước khi vào phòng 104, Dũng đưa tiền cho T để thanh toán tiền mua dâm cho cả hai người nhưng T không cầm tiền và bảo "các anh cứ vào chơi đi, tý thanh toán sau" (tức là bảo Dũng và Sáu quan hệ tình dục xong, ra thanh toán tiền sau). Đối với Đoàn Xuân Phong sau khi quan hệ tình dục xong ra ngoài bàn gọi lon bia, sau đó thanh toán tiền. T bảo C thu của Phong 210.000 đồng, gồm 200.000 tiền mua dâm và 10.000 đồng tiền bia. Phong đưa tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng cho C nhưng C không có tiền trả lại. Phong cầm lại 500.000 đồng rồi rút ví đưa cho C 200.000 đồng. T nhìn thấy vậy bảo C: thu của khách 200.000 đồng thôi, còn tiền bia thì mời khách. Sau khi cầm 200.000 đồng mà Phong trả, C đưa lại tiền cho T.

Khoảng 17 giờ cùng ngày Tổ công tác Phòng hình sự Công an tỉnh Nam Định kiểm tra, phát hiện bắt quả tang tại phòng 103 khách mua dâm Nguyễn Văn Sáu và gái mại dâm Quàng Thị D đang quan hệ tình dục, tại phòng 104 khách mua dâm Trần Văn Dũng và gái mại dâm Y P chưa có quan hệ tình dục, cùng với Nguyễn Văn T - chủ kiốt 105.

Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng đã thành khẩn khai báo, lời khai của Lò Thị C, Nguyễn Thành T phù hợp với lời khai của Nguyễn Văn T và lời khai của các đối tượng mua bán dâm.

Quá trình khám xét tại kiốt 105 "Hồng Nhung", Cơ quan CSĐT thu giữ 01 quyển sổ tay bìa màu đỏ xác định do Lò Thị C ghi chép số lần bố trí 2 gái mại dâm Quảng Thị D, Y P bán dâm cho khách. Cơ quan CSĐT đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định giám định chữ viết tại quyển sổ trên. Tại kết luận giám định số 21/KLGD-PC09 ngày 10/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định kết luận chữ viết trong quyển sổ là do Lò Thị C viết ra.

Bản Cáo trạng số 16/CT-VKSND-P2 ngày 18/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố: Nguyễn Văn T, Lò Thị C và Nguyễn Thành T về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (Sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ để các bị cáo sớm được trở lại với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung Cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi phân tích đánh giá vị trí vai trò, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327, điểm h khoản 1 Điều 52 đối với T, T; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với cả 3 bị cáo, khoản 2 Điều 51 đối với C, Điều 58 đối với T, C; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng đến 6 (sáu) năm tù; bị cáo Lò Thị C từ 3 (ba) năm 6 (sáu) tháng đến 4 (bốn) năm tù; bị cáo Nguyễn Thành T từ 5 (năm) năm đến 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Chứa mại dâm”, áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền bị cáo T từ 10-15 triệu đồng, bị cáo C, T từ 5-7 triệu đồng sung quỹ Nhà nước, đề nghị áp dụng Điều 47 của BLHS, Điều 106 của BLTTHS để xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân nên được hưởng tình tiết điểm s khoản 1 Điều 51, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là người dân tộc thiểu số; con còn nhỏ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo hình phạt dưới mức đề xuất của đại diện Viện kiểm sát; hình phạt bổ sung: Miễn phạt tiền cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (Sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ kết luận: Trong thời gian từ ngày 20/11/2019 đến ngày 21/12/2019, lợi dụng việc kinh doanh nhà nghỉ “Hong Nhung” tại kiốt 105 khu du lịch bãi tắm Quất Lâm, Nguyễn Văn T đã nhờ Lò Thị C và Nguyễn Thành T đến để giúp T điều hành hoạt động mại dâm và nuôi gái mại dâm Y P, Quảng Thị D để bố trí bán dâm cho khách có nhu cầu mua dâm tại nhà nghỉ để thu lợi bất chính. Khoảng 16h, ngày 22/12/2019 T, T, C đã bố trí sắp xếp cho khách mua dâm là Đoàn Xuân Phong mua bán dâm với D xong, tiếp tục bố trí sắp xếp cho D bán dâm cho Trần Văn Sáu và Trần Văn Dũng với P thì Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định phát hiện bắt quả tang. Kết quả quá trình điều tra xác định từ ngày 20/11/2019 đến ngày 21/12/2019 T, C và T đã bố trí, sắp xếp cho gái mại dâm D và P bán dâm tại kiốt 105 khu du lịch bãi tắm Quất Lâm là 50 lượt bán dâm nhanh, thu lợi bất chính 10 triệu đồng. Hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 BLHS. Quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam, chà đạp lên phẩm giá con người, làm cho những giá trị thiêng liêng và khuôn khổ đạo đức dần mất đi, xúc phạm đến lòng tự tôn dân tộc, là một trong những nguyên nhân làm lây truyền các căn bệnh xã hội, gián tiếp ảnh hưởng đến đời sống tinh thần, sức khỏe con người và hạnh phúc của các gia đình. Các bị cáo nhận thức được hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình nhưng vì động cơ vụ lợi vẫn cố ý thực hiện, nên các bị cáo cần phải được trừng trị nghiêm khắc, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm mục đích cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa

tội phạm.

[4] Đánh giá về vị trí vai trò, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo T là người có trách nhiệm quản lý nhà nghỉ, trực tiếp thực hiện và chỉ đạo C, T bố trí sắp xếp cho D, Phương bán dâm tại nhà nghỉ cũng như các nhà nghỉ khác trên địa bàn nên giữ vai trò số một trong vụ án. Bị cáo C, T là người thực hành tích cực, trực tiếp bố trí sắp xếp việc mua bán dâm cho khách tại nhà nghỉ, nên giữ vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo T. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T, T đã có một tiền án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định điểm h khoản 1 Điều 52 BLTTHS, bị cáo C không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo C có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là người dân tộc ít người nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Đối với các đối tượng mua, bán dâm là Y P, Quàng Thị D, Đoàn Xuân Phong, Trần Văn Dũng, Trần Văn Sáu, hành vi của các đối tượng này không cấu thành tội phạm nên Công an tỉnh Nam Định đã ra quyết định xử phạt hành chính là phù hợp.

[6] Đối với hành vi điều hành bố trí hai gái mại dâm Quàng Thị D và Y P đi bán dâm tại các kiốt khác quanh khu vực bãi tắm Quất Lâm của các bị cáo. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định đã tiến hành triệu tập các chủ ki ốt có liên quan để đấu tranh làm rõ. Tuy nhiên các chủ kiốt đều không thừa nhận việc tổ chức hoạt động chứa mại dâm tại kiốt của mình, tài liệu điều tra không xác định được thời gian và đối tượng mua bán dâm. Do đó chưa có đủ căn cứ để khởi tố đối với các đối tượng trên về tội “Môi giới mại dâm”. Cơ quan CSĐT tách phần tài liệu có liên quan tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Văn T giữ vai trò đầu vụ, phạm tội với mục đích tư lợi, cần áp dụng khoản 5 Điều 327 BLHS phạt tiền đối với bị cáo để sung quỹ Nhà nước, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và tăng cường áp lực của việc ngăn chặn phòng ngừa tội phạm. Đối với bị cáo Lò Thị C, Nguyễn Thành T là đồng phạm giúp sức, thực tế chưa được hưởng lợi, nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo C, T.

[8] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo Nguyễn Văn T đã thu lời bất chính số tiền 10.000.000 đồng từ hành vi chứa mại dâm cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

[10] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) ĐTDĐ Nokia màu đen đã qua sử dụng và số tiền: 3.750.000 đồng của Nguyễn Văn T.

Tuyên trả lại Nguyễn Văn T 01 (một) hợp đồng thuê nhà (đang lưu tại hồ sơ vụ án); Lò Thị C 01 (một) ĐTDĐ Iphone 6 màu vàng màn hình cảm ứng đã qua sử dụng; 01 (một) ĐTDĐ Nokia 1280 màu đen đã qua sử dụng; Nguyễn Thành T 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung vỏ màu trắng, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng; 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu OPPO màu đỏ màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng.

Các vật chứng còn lại không còn giá trị, nên tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 327 của BLHS,

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Lò Thị C, Nguyễn Thành T phạm tội “Chứa mại dâm”;

2. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 327; các điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 (đối với C), điểm h khoản 2 Điều 52 BLHS (đối với T, T), xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn T 6 (sáu) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 22/12/2019;

Bị cáo Lò Thị C 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 23/12/2019;

Bị cáo Nguyễn Thành T 6 (sáu) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 23/12/2019;

3. Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 327 BLHS, phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn T 10 (mười triệu) đồng sung quỹ Nhà nước;

4. Về biện pháp tư pháp: Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng của bị cáo Nguyễn Văn T.

5. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS,

Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T một Hợp đồng thuê nhà (đang lưu tại hồ sơ vụ án);

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) ĐTDĐ Nokia màu đen đã qua sử dụng và số tiền: 3.750.000 đồng của Nguyễn Văn T.

Tuyên trả lại Lò Thị C 01 (một) ĐTDĐ Iphone 6 màu vàng màn hình cảm ứng đã qua sử dụng; 01 (một) ĐTDĐ Nokia 1280 màu đen đã qua sử dụng; Nguyễn Thành T 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung vỏ màu trắng, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng; 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu OPPO màu đỏ màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ các vật chứng còn lại.

(Trừ Hợp đồng thuê nhà lưu tại hồ sơ, còn các vật chứng khác đang được quản lý tại kho vật chứng của Cục thi hành án tỉnh Nam Định có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng số 34/20 ngày 26/3/2020 và ủy nhiệm chi số 05 ngày 31/3/2020 giữa Công an tỉnh Nam Định và Cục thi hành án tỉnh Nam Định).

6. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- TAND+VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- Công an tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

(Đã ký)

Lê Hoài Nam

